

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2023
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2023, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Lệ M, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đỗ Kim T, sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022, bản tự khai ngày 02/3/2023 nguyên đơn bà Lê Thị Lệ M trình bày: Bà và ông Đỗ Kim T tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 221, quyền số V, cấp ngày 14/6/1996. Trong quá trình chung sống từ năm 1995 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Bà M xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đỗ Kim T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Trung T1, sinh năm 1996 và cháu Đỗ Trung T2, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không có yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/3/2023, bị đơn ông Đỗ Kim T trình bày:

Bà Lê Thị Lê M yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về tài sản chung, ông không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Lê M yêu cầu ly hôn ông Đỗ Kim T. Yêu cầu của bà M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú ổn định. Tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

Ông T đã được Tòa án tổng đạt thông báo, quyết định hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông T và bà M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 221, quyền số V, cấp ngày 14/6/1996. Do đó, hôn nhân giữa Ông T và bà M là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nhận thấy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà M yêu cầu ly hôn nhưng Ông T không đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà M yêu cầu ly hôn Ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Cháu Đỗ Trung T1 và cháu Đỗ Trung T2 đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Bà Lê Thị Lê M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 320, Điều 321 và Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Lệ M, bà Lê Thị Lệ M được ly hôn ông Đỗ Kim T.

2. *Về án phí:* Bà Lê Thị Lệ M nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0000390 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Lê Thị Lệ M đã nộp đủ.

Quy định: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về quyền kháng cáo:* Ông Đỗ Kim T, bà Lê Thị Lệ M có quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường N, Tp C
- Lưu hồ sơ, án văn

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Huy